TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**KHOA MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**
Trình độ đào tạo: Đại học

## 1. Thông tin tổng quát (General information)

| | |
|---|---|
| Tên học phần: | QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN |
| Tiếng Việt: | QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN |
| Tiếng Anh: | URBAN AND RURAL PLANNING |
| Mã số học phần: | 14 03 1 4 237 |
| Thời điểm tiến hành: | Học kỳ 5 |
| Loại học phần: | |
| ☐ Bắt buộc<br>☒ Tự chọn | |
| Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:<br>☐ Kiến thức giáo dục đại cương<br>☑ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành<br>☐ Kiến thức ngành<br>☐ Kiến thức chuyên ngành<br>☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp | |
| Số tín chỉ: | 2 tín chỉ |
| Giờ tín chỉ đối với các hoạt động | 30 |
| Số tiết lý thuyết: | 9 tiết |
| Số tiết bài tập: | 2 tiết |
| Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm: | 18 tiết |
| Số tiết thực tập: | 0 tiết |

| | |
|---|---|
| Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH: | 0 tiết |
| Kiểm tra: | 1 tiết |
| Thời gian tự học: | 60 tiết |
| Điều kiện tham dự học phần: | |
| Học phần tiên quyết: | |
| Học phần song hành: | |
| Điều kiện khác: | |
| Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: | Khoa Môi trường - Bộ môn CẤP THOÁT NƯỚC |

**2. Mô tả học phần (Course Description)**

Sinh viên nhận thức các vấn đề cơ bản của cấu trúc đô thị và nông thôn liên quan đến công tác quy hoạch đang diễn ra và dự kiến phát triển trong tương lai. Hình thành ý thức tuân thủ các quy chuẩn áp dụng trong quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật, là nền tảng cơ sở cho các môn học sau và áp dụng thực tế trong quá trình hoạt động ngành nghề sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần (Course Goals)**

| **Mục tiêu học phần** *(CGs)* | **Mô tả** *(Course goal description)* *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs) |
|---|---|---|
| **CG1** | Hiểu biết về các khái niệm của quy hoạch đô thị và nông thôn. | ELO3, ELO9 |
| **CG2** | Giải thích được mối quan hệ giữa các văn bản pháp luật về quy hoạch với phát triển hệ thống cấp thoát nước. | ELO3, ELO9 |
| **CG3** | Giải thích được các điều khoản quy định trong quy hoạch đô thị và nông thôn. | ELO3, ELO9 |
| **CG4** | Dự báo và ước lượng được các giá trị cần thiết cho một loại quy hoạch. | ELO3, ELO7 |
| **CG5** | Lập ra kế hoạch và thực hiện quy hoạch cấp nước và thoát nước cho từng khu vực. | ELO3, ELO6, ELO7, ELO9 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần** (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

| Chuẩn đầu ra HP*[1]* | **Mô tả CĐR học phần** *[2]*<br>*(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]* |
|---|---|---|
| **CELO1** | Hiểu biết về các khái niệm và tổng hợp được các thông tin pháp lý yêu cầu về công tác quy hoạch đô thị và nông thôn. | ELO1, ELO3, ELO9 |
| **CELO2** | Tra cứu và tổ hợp lại các thông tin, các tài liệu tham khảo. | ELO3, ELO9 |
| **CELO3** | Phân tích và hiểu được các chỉ tiêu, tiêu chí trong quy hoạch. | ELO3, ELO6, ELO7 |
| **CELO4** | Lập kế hoạch và triển khai được các quy hoạch cấp nước và thoát nước cho khu vực | ELO3, ELO6, ELO7, ELO9 |

*Ghi chú: Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO1, CELO2;*
*Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng: CELO3, CELO4;*
*Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO1-CELO4*

**Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT**

| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** | **ELO12** |
| **CELO1** | M | | H | | | | | | L | | | |
| **CELO2** | | | H | | | | | | M | | | |
| **CELO3** | | | L | | | M | H | | | | | |
| **CELO4** | | | H | | | H | H | | H | | | |

**5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy áp dụng theo quy định trong công văn số 03/CV-KMtr của khoa môi trường:

(1) Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒

(2) Phương pháp động não (Brainstorming) ☒

(3) Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share) ☒

(4) Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒

(5) Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒

(6) Phương pháp đóng vai (Role playing) ☒

(7) Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning) ☒

(8) Phương pháp mô phỏng (Simualtion) ☐

(9) Nghiên cứu tình huống (Case studies) ☒

(10) Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video) ☐

(11) Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập

Phương pháp học tập:

(1) Nghe giảng trên lớp; ☒

(2) Đọc và làm bài trước các buổi giảng; ☒

(3) Tra cứu thông tin về ngành trên internet; ☒

(4) Làm việc nhóm; ☒

**5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**

**5.2.1 Điểm đánh giá:**

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình: 40% (mục A1)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☒ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☒ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần: (mục A2 và A3)

+ Trọng số: 60%, bao gồm: 10% QUIZ giữa kỳ và 50% kiểm tra cuối kỳ.

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☒ Thực hành☐ Khác☒ Bài tập tính

**5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)**

| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) | Nội dung đánh giá | CĐR học phần (CELO.x.x) | Số lần đánh giá / thời điểm | Tiêu chí đánh giá | Phương pháp đánh giá | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|

| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Đánh giá quá trình** | A1.1 Chuyên cần/ Toàn thời gian | Số lần có mặt/ vắng mặt/ trễ giờ/ Bỏ về sớm | CELO1 | 1 lần vào cuối kỳ | Theo Rubric 1 | Quan sát, theo dõi sự hiện diện | 30% |
| | A1.2 Thái độ học tập/ Toàn thời gian | Nghiêm túc, tập trung, không làm việc riêng | CELO1 | 1 lần vào cuối kỳ | Theo Rubric 1 | Quan sát, theo dõi quá trình hoạt động trong giờ học | |
| | A1.3 Đóng góp ý kiến xây dựng bài học/ Toàn thời gian | Chủ động hoạt động/ Cung cấp thông tin mới/ Cung cấp diễn biến thực tế | CELO1, CELO2, CELO3, CELO4. | 1 lần vào cuối kỳ | Theo Rubric 1 | Phỏng vấn đặt vấn đề, tương tác, trao đổi. | |
| | A1.3 Thuyết trình nhóm trên lớp/ 90 phút | Khả năng làm việc, phối hợp theo nhóm.<br>Kỹ năng và mức độ hiểu biết, nắm bắt vấn đề của từng cá nhân | CELO1, CELO2, CELO3, CELO4. | 1 lần vào thời điểm trình bày nội dung thuyết trình | Theo Rubric 3 | Phỏng vấn, trao đổi, tương tác, thảo luận | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | A2.1 Bài thi tự luận/ 60 phút<br>Được sử dụng tài liệu | Kiến thức, kỹ năng | CELO1-CELO5 | 01 lần, theo kế hoạch đào tạo | Theo Rubric 2 | Quan sát nội dung thể hiện theo thang điểm đáp án. | 70% |

**5.3. Rubric đánh giá kết quả học tập**

Điểm đánh giá kết quả học tập của môn học áp dụng theo ma trận rubric quy định cho môn học lý thuyết theo quy định của Khoa Môi trường trong công văn 04/CV –KMtr.

**6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | PPGD chính | Chuẩn đầu ra của học phần |
|---|---|---|---|
| 1-2 | **Giới thiệu môn học (1,0 tiết)**<br>- Giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học<br>- Giới thiệu nội dung, phương pháp học<br>Giới thiệu các yêu cầu bài tập cá nhân, nhóm và các cách đánh giá kết quả học tập, rubric của môn học<br>**Chương 1: CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUI HOẠCH** | | |
| | *A/* **Các nội dung**: *(5 tiết)*<br>1.1. Giới thiệu Luật qui hoạch.<br>1.2. Giới thiệu Luật qui hoạch đô thị.<br>1.3. Nghị định và Thông tư liên quan đến qui hoạch.<br>1.4. Các quy chuẩn trong quy hoạch.<br>1.5. Tỷ lệ bản đồ trong qui hoạch | – Phương pháp thuyết trình về luật quy hoạch và quy hoạch đô thị của Việt Nam, và các thông tư của chính phủ được ban hành hiện nay<br>– Phương pháp động não: hỏi đáp sinh viên về mối liên hệ quy hoạch đô thị tới sự phát triển của đất nước<br>– Phương pháp học dựa trên vấn đề<br>– Phương pháp hoạt động nhóm: các nhóm sinh viên thảo luận về tình hình quy hoạch đô thị ở TP. Hồ Chí Minh | **CELO1, CELO2 CELO3** |
| | *B/* **Các nội dung cần tự học ở nhà**:*(12 tiết)*<br>1. Tìm hiểu thông tin trong QCVN 01; 02;03 về công tác lập quy hoạch. | – Phương pháp động não: ôn tập lại những kiến thực đã được học trên lớp<br>– Phương pháp hoạt động nhóm: các nhóm được giao đề tài để làm thuyết trình cho buổi học tiếp theo liên quan đến quy hoạch đô thị | **CELO2** |
| 3-5 | **Chương 2: QUY HOẠCH ĐÔ THỊ** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp**: *(9 tiết)*<br>2.1. Các khái niệm trong qui hoạch đô thị.<br>2.2. Dân số và quy hoạch.<br>2.3. Phân loại qui hoạch.<br>2.4. Nội dung quy hoạch đô thị. | – Phương pháp thuyết trình: trình bày các khái niệm về quy hoạch đô thị, dân số và mối liên hệ giữa 2 yếu tố này. Các nội dung của quy hoạch đô thị được áp dụng phổ biến hiện nay.<br>– Phương pháp động não: sinh viên được hỏi về mối liên hệ giữa sự phát triển dân số và chính sách quy hoạch của nhà nước. Từ đó đưa ra hướng giải quyết<br>– Phương pháp hoạt động nhóm: các nhóm thảo luận về mối liên hệ này. | **CELO1, CELO2, CELO3** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18 tiết)*<br>1. Tìm hiểu Nghị định về phân loại đô thị tại Việt Nam | – Phương pháp động não: ôn tập lại những kiến thực đã được học trên lớp | **CELO2** |
| 6-8 | **Chương 3: QUY HOẠCH NÔNG THÔN** | | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp**: *(9 tiết)*<br>3.1. Các khái niệm trong qui hoạch nông thôn.<br>3.2. Giới thiệu chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.<br>3.3. Quan điểm và mục tiêu qui hoạch nông thôn mới.<br>3.4. Nội dung qui hoạch nông thôn mới. | – Phương pháp thuyết trình: trình bày các khái niệm liên quan đến việc quy hoạch nông thôn. Các mục tiêu của nhà nước về quy hoạch nông thôn.<br>– Phương pháp động não: sinh viện được hỏi và trao đổi về sự phát triển của quy hoạch nông thôn hiện nay. Các vấn đề phát sinh trong quá trình quy hoạch nông thôn.<br>– Phương pháp hoạt động nhóm: các nhóm thảo luận về sự khác nhau và giống nhau giữa quy hoạch nông thôn và quy hoạch thành thị ở Việt Nam | **CELO1, CELO2, CELO3** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18 tiết)*<br>1. Tìm hiểu Báo cáo điển hình về quy hoạch nông thôn mới cấp xã tại Việt Nam. | – Tìm hiểu các nghị quyết của chính phủ về quy hoạch nông thôn, và các dự án quy hoạch | **CELO2** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | nông thôn ở những vùng ven TP. Hồ Chí Minh | |
| 9-10 | **Chương 4: QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT** | | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp**: *(6 tiết)*<br>4.1. Qui hoạch giao thông và cảnh quan.<br>4.2. Qui hoạch điện và chiếu sáng.<br>4.3. Qui hoạch cao độ nền và thoát nước mặt<br>4.4. Qui hoạch cấp nước sạch Qui hoạch thoát nước thải<br>4.5. Qui hoạch xử lý chất thải rắn và nghĩa trang<br>***Ôn tập. Công bố kết quả điểm quá trình và điểm giữa kỳ, giải đáp những câu hỏi của SV*** | – Phương pháp thuyết trình: trình bày về các quy trình quy hoạch giao thông, đèn chiếu sáng, cấp thoát nước và xử lý rác thải cũng như nước thải trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.<br>– Phương pháp động não: sinh viên được hỏi đáp và thảo luận mối liên hệ giữa các quy hoạch trên đến sự phát triển quy hoạch hạ tầng kỹ thuật. | **CELO1, CELO2, CELO3, CELO4** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(12 tiết)*<br>1. Tìm hiểu Quyết định phê duyệt đề cương và quyết định phê duyệt quy hoạch cấp nước hoặc thoát nước tại một địa phương hoặc tại một khu đô thị tại Việt Nam | – Tìm hiểu quy hoạch điện và chiếu sáng hiện nay ở xung quanh địa bàn Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | **CELO2** |

**Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần**

| **Bài học (Module)** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **CELO1** | **CELO2** | **CELO3** | **CELO4** |
| Chương 1: CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUI HOẠCH | L | M | M | |
| Chương 2: QUY HOẠCH ĐÔ THỊ | L | M | H | |
| Chương 3: QUY HOẠCH NÔNG THÔN | L | M | H | |
| Chương 4: QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT | M | H | H | H |

**H: High M: Medium L: Low**

**7. Tài liệu học tập**

**7.1. Tài liệu chính:**

[1] Luật quy hoạch số 21/2017/QH14. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua 26/12/2017.

[2] Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua 17/06/2009.

[3] QCVN 01:2019 BXD. *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.* Nơi ban hành: Bộ Xây dựng. Ngày ban hành: 21/12/2019. Ngày có hiệu lực 01/07/2020

**7.2. Tài liệu tham khảo:**

[1] Nghị định chính phủ số 37/2019/NĐ-CP. *Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch.* Nơi ban hành: Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua 07/05/2019.

[2] Hồ Kiệt; Trần Trọng Tấn, *Quy hoạch đô thị và khi dân cư nông thôn, nhà xuất bản nông nghiệp, năm 2012.*

**8. Quy định của học phần**

***8.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

***8.2. Quy định về hành vi lớp học***

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không nói chuyện/làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su và sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần trong lớp học

Tuyệt đối không sử dụng các thiết bị như điện thoại, thiết bị nghe khác trong giờ học trừ khi giảng viên yêu cầu.

Tuyệt đối không được ngủ trong lớp học.

Tuyệt đối không xả rác trong lớp học, nêu cao tinh thần phân loại rác và bỏ rác đung quy định.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

***8.3. Quy định về tự học***

Sinh viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập nhóm theo yêu cầu môn học

Thời gian tự học dành cho môn học tối thiểu 120 tiết

Sinh viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

Sinh viên phải làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp trên đường link google drive do giảng viên cung cấp đúng thời hạn quy định.

***8.4. Quy định về học vụ***

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

***8.5. Quy định phản hồi thông tin***

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

**9. Giảng viên giảng dạy môn học**

- Giảng viên phụ trách môn học: Ths Nguyễn Ngọc Thiệp.

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: Ths Nguyễn Ngọc Thiệp; TS. Nguyễn Huy Cương

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Môi Trường – Phòng B211 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM.

**10. Ngày phê duyệt: 02/07/2020.**

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà | TS. Nguyễn Huy Cương | Ths Nguyễn Ngọc Thiệp |